

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. HCM

Điện thoại: 08 – 39453301 – 39453302

Fax: 08 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – TP. Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán Hợp nhất của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.
2. Công văn số66.../CV-NVN-TCKT ngày 24./03/2026 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2025 so với năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24./03/2026 tại đường dẫn www.vinaplast.com.vn/quanhecodong/baocaotaichinh.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Mai Hương

Mẫu số 01-A

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

Số: 67 /CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 sau kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

- Mã chứng khoán: **VNP**
- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành – Phường Xóm Chiếu – TP. HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.39453301 Fax: 028.39453298
- Email: vinaplast@vinaplast.com.vn Website: www.vinaplast.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025 sau kiểm toán

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 24/03/2026 tại đường dẫn: <http://vinaplast.com.vn/quanhecodong/baocaotaichinh>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 sau kiểm toán
- Văn bản giải trình số .66/CV-NVN-TCKT

Đại diện tổ chức ✓

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Hoàng Minh Sơn



Số: 66 /CV-NVN-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2025 so với năm 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

+ Đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty :

- | | |
|---|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 lãi: | 15.614.393.515 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 lãi: | 11.548.045.776 đồng |

+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:

- | | |
|---|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 lãi: | 17.825.400.156 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 lãi: | 14.679.985.369 đồng |

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng so với năm 2024 chủ yếu nhờ tăng trưởng của doanh thu hoạt động tài chính. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã tăng cường kiểm soát chi phí, tiết giảm chi phí thuê kho cũng như các chi phí liên quan để giảm chi phí bán hàng. Chi phí tài chính cũng giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước, qua đó góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam làm văn bản giải trình đề Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓



HOÀNG MINH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--|--------------|
| BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 8 - 35 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm / Miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---|
| Bà Lê Ngọc Diệp | Chủ tịch | |
| Ông Hoàng Minh Sơn | Thành viên | |
| Bà Vũ Thị Minh Thục | Thành viên | |
| Ông Bùi Quốc Thịnh | Thành viên | Đơn xin từ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025 |
| Ông Phan Trung Nam | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm / Miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025 |
| Ông Võ Hoàng Anh Tuấn | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025 |
| Bà Lê Thị Lộc Uyển | Thành viên | |
| Ông Phạm Huy Quan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025 |

Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm / Miễn nhiệm |
|--------------------|---------------|-------------------------------------|
| Ông Hoàng Minh Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025 |
| Ông Phan Trung Nam | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025 |

Người đại diện pháp luật

| Họ và tên | Chức vụ | Bổ nhiệm / Miễn nhiệm |
|--------------------|---------------|-------------------------------------|
| Ông Hoàng Minh Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025 |
| Ông Phan Trung Nam | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2025 |

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Hoàng Minh Sơn

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Số: 074 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do các gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Chữ Mạnh Hoàn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 123.298.470.166 | 186.103.480.037 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 14.991.004.475 | 10.390.656.118 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.991.004.475 | 10.390.656.118 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 11.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 77.500.000.000 | 133.643.197.468 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 77.500.000.000 | 133.643.197.468 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 11.273.259.172 | 7.103.981.040 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 57.896.473.140 | 63.971.484.660 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 942.416.012 | 963.900.281 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7 | 1.616.948.069 | 1.616.948.069 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 13.634.053.525 | 4.866.255.124 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (62.816.631.574) | (64.314.607.094) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 11.309.208.932 | 26.462.266.179 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 16.350.589.165 | 30.282.604.561 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (5.041.380.233) | (3.820.338.382) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.224.997.587 | 8.503.379.232 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 118.061.518 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 8.059.700.137 | 8.456.143.300 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 11 | 47.235.932 | 47.235.932 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 127.192.613.909 | 132.161.807.635 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 16.830.000.000 | 21.040.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 21.030.000.000 | 21.040.000.000 |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 9 | (4.200.000.000) | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 236.211.624 | 292.316.580 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 236.211.624 | 292.316.580 |
| - Nguyên giá | 222 | | 105.984.891.628 | 107.304.130.464 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (105.748.680.004) | (107.011.813.884) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 2.989.290.120 | 2.989.290.120 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.989.290.120) | (2.989.290.120) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 14 | 104.984.925.966 | 105.497.539.168 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 33.023.687.895 | 33.023.687.895 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 121.946.480.594 | 121.946.480.594 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (49.985.242.523) | (49.472.629.321) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.141.476.319 | 5.331.951.887 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 5.141.476.319 | 5.331.951.887 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 250.491.084.075 | 318.265.287.672 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 14.609.165.735 | 58.266.436.847 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 13.909.165.735 | 58.266.436.847 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 273.993.375 | 4.039.083.344 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 675.383.924 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 11 | 10.097.003.648 | 9.994.986.773 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.245.378.572 | 1.038.759.417 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 2.309.368.318 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 1.364.514.851 | 1.263.169.287 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 18 | - | 38.281.026.495 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 928.275.289 | 664.659.289 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 700.000.000 | - |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 17 | 700.000.000 | - |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 235.881.918.340 | 259.998.850.825 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 235.881.918.340 | 259.998.850.825 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 194.289.130.000 | 194.289.130.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 194.289.130.000 | 194.289.130.000 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 41.592.788.340 | 65.709.720.825 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 25.978.394.825 | 54.161.675.049 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 15.614.393.515 | 11.548.045.776 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 250.491.084.075 | 318.265.287.672 |



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Phạm Văn Hòa
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 40.270.626.724 | 71.077.960.769 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01) | 10 | | 40.270.626.724 | 71.077.960.769 |
| 3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 22 | 40.218.869.524 | 60.788.001.720 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 51.757.200 | 10.289.959.049 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 30.099.024.518 | 13.769.759.538 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 1.587.406.654 | 2.879.186.226 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 346.608.676 | 2.511.066.008 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 26 | 1.331.383.191 | 2.208.711.177 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 26 | 11.882.006.947 | 7.260.021.285 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 15.349.984.926 | 11.711.799.899 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 264.408.589 | 23.360.000 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | - | 187.114.123 |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 264.408.589 | (163.754.123) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 15.614.393.515 | 11.548.045.776 |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27 | - | - |
| 15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 15.614.393.515 | 11.548.045.776 |



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Phạm Văn Hòa
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------------|-------------------|
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 15.614.393.515 | 11.548.045.776 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | 215.080.524 | 215.080.524 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 4.435.679.533 | (10.568.773.923) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 545.360 | (1.668.000.884) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (30.187.086.091) | (13.473.578.138) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 346.608.676 | 2.511.066.008 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (9.574.778.483) | (11.436.160.637) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 6.550.320.135 | 1.711.158.745 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 13.932.015.396 | 24.819.545.666 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (5.146.953.288) | 5.183.645.495 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (118.061.518) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (966.406.206) | (3.037.464.891) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (609.884.000) | (814.858.333) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 4.066.252.036 | 16.425.866.045 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 295.858.586 | - |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (148.564.818.644) | (132.258.319.666) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 204.708.016.112 | 112.593.520.811 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 21.107.547.921 | 20.982.467.167 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 77.546.603.975 | 1.317.668.312 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (38.907.978.294) | (35.962.535.109) |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (38.103.984.000) | (8.787.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (77.011.962.294) | (35.971.322.609) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 4.600.893.717 | (18.227.788.252) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 10.390.656.118 | 28.412.006.247 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (545.360) | 206.438.123 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 14.991.004.475 | 10.390.656.118 |



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Phạm Văn Hòa
Phụ trách kế toán/Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ nhựa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn, quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu, nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh sản phẩm từ nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

| Tên công ty | Nơi đăng ký và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính |
|--|--|-----------------------|----------------------------|---|
| Công ty con | | | | |
| Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước (i) | Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh | 99,52 | 99,52 | Sản xuất sản phẩm từ plastic |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An (ii) | Số 18C Phạm Đình Hồ, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội | 100 | 100 | Kinh doanh thương mại |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam | 300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh | 100 | 100 | Kinh doanh thương mại |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một (ii) | 300B Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh | 100 | 100 | Kinh doanh thương mại |
| Công ty liên doanh, liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn | 320 Bến Vân Đồn, Phường Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh | 20,69 | 20,69 | Sản xuất sản phẩm từ plastic |
| Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem | Khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh | 27,51 | 27,51 | Sản xuất hạt nhựa PVC |
| Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai | 15 | 15 | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Nhựa PVC. |

Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước đã tạm dừng hoạt động sản xuất từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 cho đến khi có chỉ thị mới từ Hội đồng Quản trị Công ty và Công ty đã tính giảm biên chế, thu hẹp hoạt động và tập trung công tác bán hàng hóa, thành phẩm tồn kho, máy móc thiết bị nhằm tạo luồng tiền thanh toán cho các nghĩa vụ nợ đến hạn, cũng như để công ty xem xét đánh giá nhu cầu thị trường, tìm kiếm phương án kinh doanh mới hiệu quả. Trong năm, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước vẫn tiếp tục thanh lý hàng tồn kho và tài sản để thanh toán các nghĩa vụ nợ quá hạn.
- (ii) Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nhựa Trường An và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số Một đã nhận được giấy xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một | 403 Nguyễn Thái Bình, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội | Phòng R21, tầng 9, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê lại đất ngày 27 tháng 6 năm 2006 với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> <u>(Số năm)</u> |
|---------------------------------|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 38 |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 02 - 05 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng có thời hạn, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian sử dụng hữu ích.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: Phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả: Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác: Phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Danh sách các bên liên quan của Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, quản lý và các thành viên có
quan hệ mật thiết với các thành viên này

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Công ty liên doanh
Nhân sự chủ chốt và
các thành viên có
quan hệ mật thiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng nhựa tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Đồng thời toàn bộ hoạt động đều diễn ra tại một khu vực địa lý là khu vực miền Nam do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 185.709.949 | 2.941.790.528 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.805.294.526 | 7.448.865.590 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 11.000.000.000 | - |
| Cộng | 14.991.004.475 | 10.390.656.118 |

Ghi chú:

- (i) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng với lãi suất từ 5,6%/năm đến 7,0%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4.387.553.527 | 10.462.565.047 |
| Công ty TNHH In và Sản xuất Bao bì Đức Mỹ | - | 4.383.600.000 |
| Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát | 2.669.970.418 | 2.669.970.418 |
| Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long | - | 1.497.975.520 |
| Phải thu khách hàng khác | 1.717.583.109 | 1.911.019.109 |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | 53.508.919.613 | 53.508.919.613 |
| Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn | 47.357.199.069 | 47.357.199.069 |
| Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước | 4.521.514.172 | 4.521.514.172 |
| Công ty TNHH MTV TM & DV Nhựa Trường An | 1.573.647.524 | 1.573.647.524 |
| Công ty TNHH MTV TM & DV Nhựa Số Một | 56.558.848 | 56.558.848 |
| Cộng | 57.896.473.140 | 63.971.484.660 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu cho vay đối tượng khác | 251.475.750 | 251.475.750 |
| Ông Nguyễn Quốc Nhựt | 251.475.750 | 251.475.750 |
| b) Phải thu cho vay là các bên liên quan | 1.365.472.319 | 1.365.472.319 |
| Công ty TNHH MTV TM & DV Nhựa Trường An | 1.283.472.319 | 1.283.472.319 |
| Công ty TNHH MTV TM & DV Nhựa Số Một | 82.000.000 | 82.000.000 |
| Cộng | 1.616.948.069 | 1.616.948.069 |

8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu ngắn hạn khác | 13.634.053.525 | 4.866.255.124 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia, trong đó: | 11.808.578.520 | 2.696.547.270 |
| - Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina | 10.795.781.250 | 1.683.750.000 |
| - Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước | 512.865.270 | 512.865.270 |
| - Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn | 499.932.000 | 499.932.000 |
| Ký cược, ký quỹ | 138.900.000 | 141.700.000 |
| Lãi dự thu | 185.316.438 | 482.168.104 |
| Tạm ứng | - | 21.000.000 |
| Đối tượng khác | 1.501.258.567 | 1.524.839.750 |
| b) Phải thu dài hạn khác | 21.030.000.000 | 21.040.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (i) | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Ký cược, ký quỹ | 30.000.000 | 40.000.000 |

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản góp vốn đầu tư vào Dự án “Trụ sở, văn phòng, trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” đặt tại số 360 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ là 360 đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội) của Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với số tiền góp vốn là 21 tỷ VND (bằng hình thức bù trừ công nợ). Dự án đã được phê duyệt đầu tư và xây dựng nhưng do tình hình tài chính khó khăn nên Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn dự án cho Công ty Cổ phần Đông Thịnh Phát để tiếp tục thực hiện dự án. Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long cam kết sẽ chỉ trả cho Công ty sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng và thanh, quyết toán Dự án theo đúng quy định của pháp luật, theo đúng tỷ lệ góp vốn ban đầu. Tuy nhiên, do thay đổi một số thủ tục của dự án nên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn chưa hoàn tất việc chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. NỢ XẤU

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|-----------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng |
| a) Phải thu khách hàng | 57.864.961.140 | - | (57.864.961.140) | 59.362.936.660 | - | (59.362.936.660) |
| Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bên liên quan | 47.357.199.069 | - | (47.357.199.069) | 47.357.199.069 | - | (47.357.199.069) |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một - Bên liên quan | 56.558.848 | - | (56.558.848) | 56.558.848 | - | (56.558.848) |
| Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước - Bên liên quan | 4.521.514.172 | - | (4.521.514.172) | 4.521.514.172 | - | (4.521.514.172) |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An - Bên liên quan | 1.573.647.524 | - | (1.573.647.524) | 1.573.647.524 | - | (1.573.647.524) |
| Các đối tượng khác | 4.356.041.527 | - | (4.356.041.527) | 5.854.017.047 | - | (5.854.017.047) |
| b) Phải thu khác | 2.469.399.020 | - | (2.469.399.020) | 2.469.399.020 | - | (2.469.399.020) |
| Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước - Bên liên quan | 512.865.270 | - | (512.865.270) | 512.865.270 | - | (512.865.270) |
| Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Bên liên quan | 499.932.000 | - | (499.932.000) | 499.932.000 | - | (499.932.000) |
| Các đối tượng khác | 1.456.601.750 | - | (1.456.601.750) | 1.456.601.750 | - | (1.456.601.750) |
| c) Phải thu về cho vay ngắn hạn | 1.616.948.069 | - | (1.616.948.069) | 1.616.948.069 | - | (1.616.948.069) |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An - Bên liên quan | 1.283.472.319 | - | (1.283.472.319) | 1.283.472.319 | - | (1.283.472.319) |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một - Bên liên quan | 82.000.000 | - | (82.000.000) | 82.000.000 | - | (82.000.000) |
| Ông Nguyễn Quốc Nhật | 251.475.750 | - | (251.475.750) | 251.475.750 | - | (251.475.750) |
| d) Phải thu dài hạn khác | 21.000.000.000 | 16.800.000.000 | (4.200.000.000) | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long (i) | 21.000.000.000 | 16.800.000.000 | (4.200.000.000) | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | - |
| e) Trả trước cho người bán | 865.323.345 | - | (865.323.345) | 865.323.345 | - | (865.323.345) |
| Các đối tượng khác | 865.323.345 | - | (865.323.345) | 865.323.345 | - | (865.323.345) |
| Cộng | 62.816.631.574 | - | (67.016.631.574) | 64.314.607.094 | - | (64.314.607.094) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. NỢ XẤU (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Như đã trình bày ở trên, việc chuyển nhượng dự án giữa các bên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính vẫn chưa hoàn tất do một số thủ tục liên quan đến dự án đang trong quá trình xử lý. Dự án đã đình trệ trong thời gian dài và hiện chưa có kế hoạch cụ thể về thời điểm hoàn tất việc chuyển nhượng. Mặc dù đối tác đã có cam kết hoàn trả khoản tiền liên quan khi hoàn tất chuyển nhượng, việc thu hồi vốn đầu tư vẫn phụ thuộc vào tiến độ xử lý các thủ tục và sự phối hợp của các bên liên quan. Trên cơ sở đánh giá các yếu tố nêu trên, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng một phần đối với khoản phải thu này nhằm phản ánh một cách thận trọng giá trị có thể thu hồi tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày đầu năm | 64.314.607.094 | 66.071.605.602 |
| Trích dự phòng trong năm | 4.200.000.000 | 7.812.000 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (1.497.975.520) | (1.764.810.508) |
| Tại ngày cuối năm | 67.016.631.574 | 64.314.607.094 |

10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng đang đi trên đường | - | - | 6.318.070.830 | - |
| Hàng hóa | 16.350.589.165 | (5.041.380.233) | 23.964.533.731 | (3.820.338.382) |
| Cộng | 16.350.589.165 | (5.041.380.233) | 30.282.604.561 | (3.820.338.382) |

Tình hình biến động chi phí dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày đầu năm | 3.820.338.382 | 12.925.630.459 |
| Trích dự phòng trong năm | 2.366.601.765 | 370.383.555 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (1.145.559.914) | (9.475.675.632) |
| Tại ngày cuối năm | 5.041.380.233 | 3.820.338.382 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp/thu trong năm | Số đã thực nộp/thu trong năm | Số cuối năm |
|---|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 47.235.932 | - | - | 47.235.932 |
| Cộng | 47.235.932 | - | - | 47.235.932 |
| b) Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 1.149.025.513 | 1.149.025.513 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 8.870.564 | 893.708.396 | 791.691.521 | 110.887.439 |
| Tiền thuê đất | - | 349.778.000 | 349.778.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i) | 9.986.116.209 | 4.000.000 | 4.000.000 | 9.986.116.209 |
| Cộng | 9.994.986.773 | 2.396.511.909 | 2.294.495.034 | 10.097.003.648 |

Ghi chú:

- (i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13 tháng 7 năm 1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nhận nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Tổng cộng |
|------------------------|---------------------------|-------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.038.218.616 | 102.302.078.279 | 694.501.247 | 1.052.714.595 | 216.617.727 | 107.304.130.464 |
| - Điều chỉnh giảm (*) | (354.737.589) | - | - | - | - | (354.737.589) |
| - Thanh lý, nhượng bán | (270.000.000) | - | (694.501.247) | - | - | (964.501.247) |
| Số dư cuối năm | 2.413.481.027 | 102.302.078.279 | - | 1.052.714.595 | 216.617.727 | 105.984.891.628 |
| GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.745.902.036 | 102.302.078.279 | 694.501.247 | 1.052.714.595 | 216.617.727 | 107.011.813.884 |
| - Khấu hao trong năm | 24.604.956 | - | - | - | - | 24.604.956 |
| - Điều chỉnh giảm (*) | (354.737.589) | - | - | - | - | (354.737.589) |
| - Thanh lý, nhượng bán | (238.500.000) | - | (694.501.247) | - | - | (933.001.247) |
| Số dư cuối năm | 2.177.269.403 | 102.302.078.279 | - | 1.052.714.595 | 216.617.727 | 105.748.680.004 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 292.316.580 | - | - | - | - | 292.316.580 |
| Số dư cuối năm | 236.211.624 | - | - | - | - | 236.211.624 |

Ghi chú:

(*) Điều chỉnh giảm giá trị Nhà kho vật tư Hải Phòng theo Quyết định thu hồi đất số 2909/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 2.694.407.094 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.763.724.300 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao đang không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là 102.874.048.734 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 96.808.932.775 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|----------------------|-------------------|---------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 2.646.960.000 | 342.330.120 | 2.989.290.120 |
| Số dư cuối năm | 2.646.960.000 | 342.330.120 | 2.989.290.120 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | 2.646.960.000 | 342.330.120 | 2.989.290.120 |
| Số dư cuối năm | 2.646.960.000 | 342.330.120 | 2.989.290.120 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | - | - | - |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 2.989.290.120 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.989.290.120 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao đang không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty là 309.700.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 309.700.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND |
| a) Đầu tư vào Công ty con | 33.023.687.895 | | (33.023.687.895) | |
| Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước (i) | 22.298.490.000 | (*) | (22.298.490.000) | (*) |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa | 5.000.000.000 | (*) | (5.000.000.000) | (*) |
| Số Một (ii) | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa | 5.000.000.000 | (*) | (5.000.000.000) | (*) |
| Trường An (iii) | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt | 725.197.895 | (*) | (725.197.895) | (*) |
| Nam (iv) | | | | |
| b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 121.946.480.594 | | (16.961.554.628) | |
| Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn (v) | 16.961.554.628 | (*) | (16.961.554.628) | (*) |
| Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastics (vi) | 15.279.075.966 | (*) | - | (*) |
| Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina (vii) | 89.705.850.000 | (*) | - | (*) |
| Cộng | 154.970.168.489 | | (49.985.242.523) | (16.961.554.628) |
| | | | | (16.961.554.628) |
| | | | | (49.472.629.321) |

Ghi chú:

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước với giá trị 22.298.490.000 VND, chiếm tỷ lệ 99,52% tổng vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước đang có lãi lũy kế vượt quá Vốn chủ sở hữu. Công ty đã tạm dừng hoạt động sản xuất, thu hẹp hoạt động và tập trung công tác bán hàng hóa, thành phẩm tồn kho, máy móc thiết bị nhằm tạo luồng tiền thanh toán cho các nghĩa vụ nợ đến hạn.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một với giá trị 5.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một đã ngừng hoạt động để thu hồi công nợ trước khi giải thể.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An với giá trị 5.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An đã ngừng hoạt động để thu hồi công nợ trước khi giải thể.
- (iv) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam với giá trị 725.197.895 VND, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam đang làm thủ tục hoàn thuế trước khi giải thể.
- (v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn với giá trị 16.760.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,69% tổng vốn điều lệ. Giá trị khoản đầu tư đã được đánh giá lại là 16.961.554.628 VND khi Công ty thực hiện cổ phần hóa. Ngày 26 tháng 01 năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
- (vi) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem với giá trị 789.061 USD, chiếm tỷ lệ 27,51% tổng vốn điều lệ. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem đang có lãi lũy kế. Trong năm, Công ty được chia lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem.
- (vii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina với giá trị 5.250.000 USD, chiếm tỷ lệ 15% tổng vốn điều lệ theo hợp đồng liên doanh. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina đang có lãi lũy kế. Trong năm, Công ty được chia lợi nhuận từ Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem | | |
| Lợi nhuận được chia | 10.948.680.450 | 2.484.033.741 |
| Lợi nhuận được chi trả | 10.948.680.450 | 4.137.313.272 |
| Doanh thu hoa hồng | - | 684.846.850 |
| Thu tiền doanh thu hoa hồng | - | 753.331.535 |
| Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina | | |
| Lợi nhuận được chia | 14.182.218.750 | 5.088.750.000 |
| Lợi nhuận được chi trả | 5.070.187.500 | 9.838.350.000 |
| Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước | | |
| Doanh thu cho thuê | - | 7.101.818 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đây là khoản tiền thuê đất trả trước còn phải phân bổ theo Hợp đồng thuê lại đất ngày 27 tháng 6 năm 2006 với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP; thời gian phân bổ tương ứng thời gian thuê đất.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Sabir Asia Pacific Pte. Ltd. | - | - | 2.554.844.490 | 2.554.844.490 |
| Iviet (Singapore) Pte. Ltd. | - | - | 1.264.007.970 | 1.264.007.970 |
| Các đối tượng khác | 273.993.375 | 273.993.375 | 220.230.884 | 220.230.884 |
| Cộng | 273.993.375 | 273.993.375 | 4.039.083.344 | 4.039.083.344 |

17. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 1.364.514.851 | 1.263.169.287 |
| Kinh phí công đoàn | 13.899.000 | 76.328.000 |
| Nhận ký cược, ký quỹ | 20.000.000 | 481.128.800 |
| Cổ tức phải trả | 1.247.210.513 | 493.368.513 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 83.405.338 | 212.343.974 |
| b) Dài hạn | 700.000.000 | - |
| Nhận ký cược, ký quỹ | 700.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|----------------|-----------------------|-------------|------------------|-------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II (i) | 38.281.026.495 | 38.281.026.495 | 683.922.644 | (38.964.949.139) | - | - |
| Cộng | 38.281.026.495 | 38.281.026.495 | 683.922.644 | (38.964.949.139) | - | - |

Ghi chú:

(i) Đây là khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HDTD-ODA-TDTHW1 ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II) với số tiền là 49.010.105 CNY để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trực in dự án, thời hạn vay 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo lãi suất vay là 3,2%/năm tính trên dư nợ vay.

Công ty thanh toán hết nợ vay vào tháng 4 năm 2025. Ngày 03 tháng 6 năm 2025, Công ty và Ngân hàng đã ký Biên bản thanh lý Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài và Biên bản thanh lý Hợp đồng thế chấp tài sản của Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2006/HDTD-ODA-TDTHW1 nêu trên. Kể từ ngày ký các Biên bản thanh lý này, mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh của các bên được quy định trong Hợp đồng tín dụng được chấm dứt, quyền và nghĩa vụ của các bên không còn bị ràng buộc bởi Hợp đồng thế chấp. Hồ sơ tài sản thế chấp của Công ty cũng đã được hoàn trả theo Biên bản hoàn trả hồ sơ tài sản thế chấp ngày 03 tháng 6 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | LNST chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 194.289.130.000 | 54.161.675.049 | 248.450.805.049 |
| Lãi trong năm | - | 11.548.045.776 | 11.548.045.776 |
| Số dư cuối năm trước | 194.289.130.000 | 65.709.720.825 | 259.998.850.825 |
| Lãi trong năm | - | 15.614.393.515 | 15.614.393.515 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | - | (873.500.000) | (873.500.000) |
| Chia cổ tức (i) | - | (38.857.826.000) | (38.857.826.000) |
| Số dư cuối năm nay | 194.289.130.000 | 41.592.788.340 | 235.881.918.340 |

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, số 39.25/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 14 tháng 5 năm 2025 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

| | |
|-----------------------------------|--------------------|
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: | 873.500.000 VND |
| - Chi trả cổ tức bằng tiền mặt: | 38.875.826.000 VND |

Cổ tức đã được chi trả trong năm nay là 38.103.984.000 VND (năm trước là 8.787.500 VND).

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết vốn điều lệ đã được góp như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-------------|-----------------|-------|------------|-----------------|-------|
| | Số cổ phần | VND | Tỷ lệ | Số cổ phần | VND | Tỷ lệ |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH | 12.794.342 | 127.943.420.000 | 65,9% | 12.794.342 | 127.943.420.000 | 65,9% |
| Các cổ đông khác | 6.634.571 | 66.345.710.000 | 34,1% | 6.634.571 | 66.345.710.000 | 34,1% |
| Cộng | 19.428.913 | 194.289.130.000 | 100% | 19.428.913 | 194.289.130.000 | 100% |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 19.428.913 | 19.428.913 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.428.913 | 19.428.913 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 19.428.913 | 19.428.913 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.428.913 | 19.428.913 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 19.428.913 | 19.428.913 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 19.428.913 | 19.428.913 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngoại tệ các loại

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----|-------------|------------|
| USD | 16.856,65 | 120.259,02 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 39.064.137.043 | 68.579.272.782 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.206.489.681 | 2.491.586.169 |
| Doanh thu cho thuê | - | 7.101.818 |
| Cộng | 40.270.626.724 | 71.077.960.769 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 38.957.419.028 | 69.844.820.069 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 40.408.645 | 48.473.728 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i) | 1.221.041.851 | (9.105.292.077) |
| Cộng | 40.218.869.524 | 60.788.001.720 |

Ghi chú:

- (i) Thông tin cụ thể về việc trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Thuyết minh số 10 - Hàng tồn kho.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 33.447.661 | - |
| Chi phí nhân công | 6.012.047.900 | 5.632.812.032 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 215.080.524 | 215.080.524 |
| Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng | 2.702.024.480 | (1.756.998.508) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.705.581.800 | 3.631.366.597 |
| Chi phí khác | 1.585.616.418 | 1.794.945.545 |
| Cộng | 13.253.798.783 | 9.517.206.190 |

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 4.791.828.305 | 5.900.794.397 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 25.130.899.200 | 7.572.783.741 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 176.297.013 | 296.181.400 |
| Cộng | 30.099.024.518 | 13.769.759.538 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí lãi vay | 346.608.676 | 2.511.066.008 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 728.184.776 | 74.603.556 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 512.613.202 | 293.516.662 |
| Cộng | 1.587.406.654 | 2.879.186.226 |

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | | |
| Chi phí nhân viên | 518.208.231 | 678.284.648 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 813.174.960 | 1.530.426.529 |
| Cộng | 1.331.383.191 | 2.208.711.177 |
| b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | | |
| Chi phí nhân viên | 5.493.839.669 | 4.954.527.384 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 33.447.661 | 17.024.245 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 188.423.200 | 188.423.200 |
| Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng | 2.702.024.480 | (1.756.998.508) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.878.655.519 | 2.079.123.664 |
| Các khoản chi phí QLDN khác | 1.585.616.418 | 1.777.921.300 |
| Cộng | 11.882.006.947 | 7.260.021.285 |

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 15.614.393.515 | 11.548.045.776 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | (20.478.941.800) | (6.908.431.418) |
| <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i> | <i>4.651.957.400</i> | <i>664.352.323</i> |
| <i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i> | <i>(25.130.899.200)</i> | <i>(7.572.783.741)</i> |
| Thu nhập chịu thuế | (4.864.548.285) | 4.639.614.358 |
| Chuyển lỗ | - | (4.639.614.358) |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 42.858.900.869 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

| Năm phát sinh lỗ tính thuế | Thời gian được chuyển lỗ | Tình trạng | Số lỗ tính thuế được chuyển VND | Số lỗ tính thuế đã chuyển VND | Số lỗ tính thuế còn được chuyển VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------|---------------------------------------|-------------------------------------|---|
| 2021 | 2022 - 2026 | Chưa quyết toán | 5.131.751.537 | - | 5.131.751.537 |
| 2022 | 2023 - 2027 | Chưa quyết toán | 6.253.847.719 | - | 6.253.847.719 |
| 2023 | 2024 - 2028 | Chưa quyết toán | 26.608.753.328 | - | 26.608.753.328 |
| 2025 | 2026 - 2030 | Chưa quyết toán | 4.864.548.285 | - | 4.864.548.285 |
| Cộng | | | 42.858.900.869 | - | 42.858.900.869 |

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Các khoản vay | - | 38.281.026.495 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (14.991.004.475) | (10.390.656.118) |
| Nợ thuần | - | 27.890.370.377 |
| Vốn chủ sở hữu | 235.881.918.340 | 259.998.850.825 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 0% | 11% |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.991.004.475 | 14.991.004.475 | 10.390.656.118 | 10.390.656.118 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 77.500.000.000 | 77.500.000.000 | 133.643.197.468 | 133.643.197.468 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 32.226.166.505 | 32.226.166.505 | 28.045.404.104 | 28.045.404.104 |
| Tổng cộng | 124.717.170.980 | 124.717.170.980 | 172.079.257.690 | 172.079.257.690 |
| Công nợ tài chính | | | | |
| Các khoản vay | - | - | 38.281.026.495 | 38.281.026.495 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 2.324.609.226 | 2.324.609.226 | 5.225.924.631 | 5.225.924.631 |
| Chi phí phải trả | - | - | 2.309.368.318 | 2.309.368.318 |
| Tổng cộng | 2.324.609.226 | 2.324.609.226 | 45.816.319.444 | 45.816.319.444 |

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm | Từ 2 - 5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 14.991.004.475 | - | 14.991.004.475 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 77.500.000.000 | - | 77.500.000.000 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 11.196.166.505 | 21.030.000.000 | 32.226.166.505 |
| Tổng cộng | 103.687.170.980 | 21.030.000.000 | 124.717.170.980 |
| Số cuối năm | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.624.609.226 | 700.000.000 | 2.324.609.226 |
| Tổng cộng | 1.624.609.226 | 700.000.000 | 2.324.609.226 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 102.062.561.754 | 20.330.000.000 | 122.392.561.754 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.390.656.118 | - | 10.390.656.118 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 133.643.197.468 | - | 133.643.197.468 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 7.005.404.104 | 21.040.000.000 | 28.045.404.104 |
| Tổng cộng | 151.039.257.690 | 21.040.000.000 | 172.079.257.690 |
| Số đầu năm | | | |
| Các khoản vay | 38.281.026.495 | - | 38.281.026.495 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 5.225.924.631 | - | 5.225.924.631 |
| Chi phí phải trả | 2.309.368.318 | - | 2.309.368.318 |
| Tổng cộng | 45.816.319.444 | - | 45.816.319.444 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 105.222.938.246 | 21.040.000.000 | 126.262.938.246 |

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

“Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia” không bao gồm số tiền 10.981.097.688 VND là khoản tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm nay chưa thu được, nhưng đã bao gồm 2.165.918.104 VND là số tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm trước đã thu được trong năm nay. Theo đó, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên khoản mục “Tăng, giảm các khoản phải thu”.



Hoàng Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Phạm Văn Hòa
Phụ trách kế toán/Người lập biểu